

Trường Trung Học Independence

Phiếu Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Trường Học năm 2024-2025 (Công bố trong năm học 2025-2026)



Thông Tin Chung về Phiếu Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Trường Học (SARC)

Tổng Quan về SARC



Theo luật của tiểu bang, trước ngày 1 tháng 2 hàng năm, mọi trường học ở California đều phải công bố Phiếu Báo Cáo Trách Nhiệm Giải Trình của Trường Học (SARC). SARC bao gồm các thông tin về tình trạng và thành tích của từng trường công lập tại California. Theo Danh Mục Kiểm Soát Tài Chính Địa Phương (LCFF), tất cả các cơ quan giáo dục địa phương (LEA) đều phải lập Kế Hoạch Tự Chủ và Trách Nhiệm Giải Trình của Địa Phương (LCAP), trong đó mô tả cách họ dự định đạt được các mục tiêu cụ thể hàng năm của trường học cho tất cả học sinh, với các hoạt động cụ thể nhằm giải quyết các ưu tiên của tiểu bang và địa phương. Ngoài ra, dữ liệu được báo cáo trong LCAP phải nhất quán với dữ liệu được báo cáo trong SARC.

- Để biết thêm thông tin về các yêu cầu của SARC và truy cập các báo cáo của những năm trước, vui lòng tham khảo trang web SARC của Cơ Quan Giáo Dục California (CDE) tại địa chỉ <https://www.cde.ca.gov/ta/ac/sa/>
- Để biết thêm thông tin về LCFF hoặc LCAP, vui lòng truy cập trang web LCFF của CDE tại <https://www.cde.ca.gov/fg/aa/lc/>
- Để biết thêm thông tin về trường học, phụ huynh/người giám hộ và thành viên cộng đồng nên liên hệ với hiệu trưởng trường học hoặc văn phòng khu học chánh.

DataQuest



DataQuest là một công cụ dữ liệu trực tuyến tích hợp trên trang web DataQuest của CDE tại địa chỉ <https://dq.cde.ca.gov/dataquest/> bao gồm thông tin bổ sung về trường học này và thông tin so sánh giữa trường với khu học chánh và quận. Cụ thể, DataQuest là một hệ thống động cung cấp các báo cáo về trách nhiệm giải trình (ví dụ: dữ liệu khảo thí, tuyển sinh, học sinh tốt nghiệp trung học, bỏ học, số lượng ghi danh khóa học, nhân sự và dữ liệu liên quan đến người học tiếng Anh).

Bảng Thông Tin Trường Học Tiểu Bang California



Bảng Thông Tin Trường Học Tiểu Bang California (Bảng Thông Tin) <https://www.caschooldashboard.org/> phản ánh hệ thống cải tiến liên tục và trách nhiệm giải trình mới của California và cung cấp thông tin về cách các LEA và trường học đáp ứng nhu cầu của các nhóm học sinh đa dạng tại California. Bảng Thông Tin chứa các báo cáo hiển thị thành tích hoạt động của LEA, trường học và nhóm học sinh theo một loạt các thước đo của tiểu bang và địa phương để hỗ trợ xác định điểm mạnh, thách thức và lĩnh vực cần cải thiện.

Truy Cập Internet	Có thể truy cập Internet tại các thư viện công cộng và những địa điểm khác mà công chúng có thể truy cập (ví dụ: Thư Viện Tiểu Bang California). Việc truy cập Internet tại các thư viện và địa điểm công cộng thường được thực hiện theo nguyên tắc ai đến trước được phục vụ trước. Các hạn chế sử dụng khác có thể bao gồm giờ hoạt động, thời gian sử dụng máy trạm (tùy theo tình trạng sẵn có), loại chương trình phần mềm có sẵn trên máy trạm và khả năng in tài liệu.
-------------------	--

Thông Tin Liên Lạc của Trường Năm Học 2025-26	
Tên Trường học	Trường Trung Học Independence
Đường phố	617 North Jackson Avenue
Thành phố, Tiểu bang, Mã bưu chính	San Jose, CA, 95133-1703
Số điện thoại	408-928-9500
Hiệu Trưởng	Amy Hanna
Địa chỉ email	hannaa@esuhsd.org
Trang web của trường	independence.esuhsd.org
Phạm vi cấp lớp	9-12
Mã Quận-Khu Học Chánh-Trường (CDS)	43694274330031

Thông tin liên lạc của Khu học chánh 2025-26	
Tên Khu Học Chánh	Khu Học Chánh Trung Học East Side Union
Số điện thoại	(408) 347-5000
Giám Đốc Khu Học Chánh	Glenn Vander Zee
Địa chỉ email	VanderzeeG@esuhsd.org
Trang web của Khu học chánh	www.esuhsd.org

Mô Tả và Tuyên Bố Sứ Mệnh của Trường năm học 2025-26
Khẩu hiệu của trường chúng tôi là “Nơi học sinh tìm thấy niềm đam mê, mục đích và con đường của mình.” Tầm nhìn của chúng tôi là Trường Trung Học Independence trở thành một cộng đồng đa văn hóa, nơi mang đến cho học sinh nhiều cơ hội phong phú để phát triển cá nhân và học thuật, đồng thời đề cao sự đa dạng, tinh thần hòa nhập và khả năng tiếp cận mở cho tất cả mọi người. Các nguyên tắc chỉ đạo của chúng tôi như sau: Công Bằng. Chúng tôi giải quyết những bất bình đẳng và định hướng nguồn lực để đáp ứng nhu cầu của từng học sinh. Cộng Đồng. Chúng tôi xây dựng một cộng đồng lấy mối quan hệ làm trọng tâm, nơi mà mỗi học sinh và người lớn đều cảm thấy sự gắn kết và thuộc về. Thông Thạo. Chúng tôi trao quyền cho học sinh hướng tới sự thành thạo thông qua một nền tảng vững chắc về kỹ năng và kiến thức, tạo đà cho sự phát triển liên tục và một tương lai thành công. Cho năm học 2025-2026, Trường Trung Học Independence tự hào có gần 2,300 học sinh trên khuôn viên rộng 105 mẫu Anh. Trường của chúng tôi là nơi tọa lạc của một số Học Viện Hợp Tác California (California Partnership Academies - CPA) và nhiều lựa chọn môn tự chọn cho tất cả học sinh. Học viện CPA của chúng tôi tập trung vào STEAM, Giảng Dạy và Tài Chính. Chúng tôi có các chương trình CTE về Ô Tô và Xây Dựng, đồng thời tự hào có chương trình khiêu vũ, ban nhạc, dàn nhạc giao hưởng, kịch nghệ và AVID. Chúng tôi đã bổ sung nhiều khóa học Xếp Lớp Nâng Cao (Advanced Placement) ở hầu hết

Mô Tả và Tuyên Bố Sứ Mệnh của Trường năm học 2025-26

các bộ môn. Chúng tôi tích hợp Kết Quả Học Tập của Học Sinh (SIXER) vào quá trình giảng dạy và học tập tại trường để tất cả học sinh đều sẵn sàng vào cao đẳng/đại học và đi làm sau khi tốt nghiệp. Chúng tôi tiếp tục tổ chức nhiều đội thể thao và câu lạc bộ trường học đa dạng, bao gồm cả những câu lạc bộ dành riêng cho việc tôn vinh các nền văn hóa của những người đang sinh sống trong khu vực của chúng ta. Trường Trung Học Independence là một trung tâm văn hóa và là một viên ngọc quý ở phía Đông San Jose.

Giới thiệu Trường

Tuyển sinh năm 2024-25 theo từng khối lớp	
Khối lớp	Số lượng học sinh
Lớp 9	538
Lớp 10	562
Lớp 11	589
Lớp 12	600
Tổng tuyển sinh	2.289

Tuyển sinh năm 2024-25 theo nhóm học sinh	
Nhóm học sinh	Phần trăm tổng tuyển sinh
Nữ	47.3
Nam	49.4
Phi nhị giới	0
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0.2
Người gốc Á	34.6
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	1.7
Người gốc Philippines	15.5
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	38.2
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình	0.9
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	2.6
Người Da Trắng	3
Học Viên Tiếng Anh	26
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng	0
Học sinh vô gia cư	3.8
Người nhập cư	0.3
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	75
Học sinh khuyết tật	12.5

A. Điều Kiện Học Tập

Ưu Tiên của Tiểu Bang: Cơ Bản

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Cơ bản (Ưu tiên 1):

- Mức độ giáo viên được phân công phù hợp và có đầy đủ chứng chỉ trong lĩnh vực môn học và đối tượng học sinh mà họ giảng dạy;
- Học sinh có quyền tiếp cận các tài liệu giảng dạy phù hợp với tiêu chuẩn; và
- Cơ sở vật chất của trường được bảo trì tốt.

Chuẩn Bị và Bố Trí Giáo Viên năm 2021-22

Cho Phép/Phân Công	Số lượng của trường	Phần trăm của trường	Số lượng của Học Khu	Phần trăm của Học Khu	Số lượng của Tiểu Bang	Phần trăm của Tiểu Bang
Được cấp phép đầy đủ (sơ bộ hoặc rõ ràng) cho môn học và xếp lớp của học sinh (được phân công phù hợp)	107.1	91.08	943.6	82.39	234405.2	84
Người giữ chứng chỉ thực tập được phân công phù hợp	1.8	1.57	35.4	3.1	4853	1.74
Giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai (“không hiệu quả” theo ESSA)	1.7	1.5	79.5	6.95	12001.5	4.3
Giáo viên có chứng chỉ được phân công ngoài lĩnh vực (“ngoài lĩnh vực” theo ESSA)	3.1	2.63	25.6	2.24	11953.1	4.28
Không rõ/Không đầy đủ/Không áp dụng	3.7	3.21	60.9	5.32	15831.9	5.67
Tổng số vị trí giảng dạy	117.6	100	1145.3	100	279044.8	100

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian. Ngoài ra, phân công nhiệm vụ được định nghĩa là vị trí mà nhà giáo dục được giao dựa trên bối cảnh, môn học và trình độ lớp học. Cho phép được định nghĩa là các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

Chuẩn Bị và Bố Trí Giáo Viên năm 2022-23

Cho Phép/Phân Công	Số lượng của trường	Phần trăm của trường	Số lượng của Học Khu	Phần trăm của Học Khu	Số lượng của Tiểu Bang	Phần trăm của Tiểu Bang
Được cấp phép đầy đủ (sơ bộ hoặc rõ ràng) cho môn học và xếp lớp của học sinh (được phân công phù hợp)	101.5	88.31	923.6	82.88	231142.4	83.24
Người giữ chứng chỉ thực tập được phân công phù hợp	1.2	1.09	22.8	2.05	5566.4	2
Giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai (“không hiệu quả” theo ESSA)	6.6	5.75	91.5	8.21	14938.3	5.38
Giáo viên có chứng chỉ được phân công ngoài lĩnh vực (“ngoài lĩnh vực” theo ESSA)	1	0.87	22.9	2.06	11746.9	4.23
Không rõ/Không đầy đủ/Không áp dụng	4.5	3.97	53.3	4.79	14303.8	5.15
Tổng số vị trí giảng dạy	114.9	100	1114.4	100	277698	100

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian. Ngoài ra, phân công nhiệm vụ được định nghĩa là vị trí mà nhà giáo dục được giao dựa trên bối cảnh, môn học và trình độ lớp học. Cho phép được định nghĩa là các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

Chuẩn Bị và Bố Trí Giáo Viên năm 2023-24

Cho Phép/Phân Công	Số lượng của trường	Phần trăm của trường	Số lượng của Học Khu	Phần trăm của Học Khu	Số lượng của Tiểu Bang	Phần trăm của Tiểu Bang
Được cấp phép đầy đủ (sơ bộ hoặc rõ ràng) cho môn học và xếp lớp của học sinh (được phân công phù hợp)						
Người giữ chứng chỉ thực tập được phân công phù hợp						
Giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai (“không hiệu quả” theo ESSA)						
Giáo viên có chứng chỉ được phân công ngoài lĩnh vực (“ngoài lĩnh vực” theo ESSA)						
Không rõ/Không đầy đủ/Không áp dụng						
Tổng số vị trí giảng dạy						

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian. Ngoài ra, phân công nhiệm vụ được định nghĩa là vị trí mà nhà giáo dục được giao dựa trên bối cảnh, môn học và trình độ lớp học. Cho phép được định nghĩa là các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

Giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai (được coi là “không hiệu quả” theo ESSA)			
Cho Phép/Phân Công	2021-22	2022-23	2023-24
Giấy phép và Miễn trừ	0.00	1	
Phân công sai	1.70	5.6	
Vị trí trống	0.00	0	
Tổng số giáo viên không có chứng chỉ và phân công sai	1.70	6.6	

Giáo viên có chứng chỉ được phân công ngoài lĩnh vực (được coi là “ngoài lĩnh vực” theo ESSA)			
Chỉ số	2021-22	2022-23	2023-24
Giáo viên có chứng chỉ được cấp phép hoặc miễn trừ	2.00	0	
Các tùy chọn phân công nội bộ	1.10	1	
Tổng số giáo viên ngoài lĩnh vực	3.10	1	

Phân công lớp học

Chỉ số	2021-22	2022-23	2023-24
Phân công sai cho Người học tiếng Anh (tỷ lệ phần trăm tất cả các lớp học có Người học tiếng Anh được giảng dạy bởi giáo viên được phân công sai)	1.7	5.5	5.5
Không có bằng cấp, giấy phép hoặc cho phép giảng dạy (tỷ lệ phần trăm tất cả các lớp học được giảng dạy bởi các giáo viên không có hồ sơ cho phép giảng dạy)	0	0.6	0.6

Lưu ý: Để biết thêm thông tin, vui lòng tham khảo trang web Định Nghĩa về Công Bằng của Giáo Viên được cập nhật tại địa chỉ <https://www.cde.ca.gov/pd/ee/teacherequitydefinitions.asp>.

Chất lượng, Tính cập nhật, Tính sẵn có của Sách giáo khoa và các tài liệu giảng dạy khác năm 2025-26

Trường Trung Học Independence sử dụng các sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy đã được phê duyệt và thông qua bởi Ủy Ban Chính Sách Giảng Dạy (IPC) của chúng tôi. Những tài liệu này hỗ trợ trực tiếp nhất cho việc giảng dạy phù hợp với phương pháp giảng dạy Tiêu Chuẩn Cốt Lõi Chung (Common Core).

Năm và tháng dữ liệu được thu thập		Tháng Mười Một, 2024
Môn học	Danh sách các sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy khác/ Cho biết có phải từ lần áp dụng/năm áp dụng gần nhất hay không	Phần trăm học sinh không có bản sao được giao riêng
Độc/Ngữ văn	Tiếng Anh 1 – CommonLit, Inc. Lớp 9, 2025 Tiếng Anh 2 – CommonLit, Inc. Lớp 10, 2025 Tiếng Anh 3 – MyPerspectives: American Literature/Pearson, 2017 ERWC (Tiếng Anh 4) -- Tài Liệu Dành Cho Học Sinh Khóa Học Đọc và Viết Diễn Giải 2023 AP - Văn Chương và Ngôn Ngữ -- The Norton Reader AP - Văn Chương và Ngôn Ngữ -- The Intro to Literature	0%
Toán	Toán CCSS 1 – "Big Ideas Integrated Mathematics I," Big Ideas Learning, LLC 2016 Toán CCSS 2 – "Big Ideas Integrated Mathematics II," Big Ideas Learning, LLC 2016 Toán CCSS 3 – "Big Ideas Integrated Mathematics III," Big Ideas Learning, LLC 2016 Phân Tích Toán Học – "Precalculus With Limits A Graphing Approach 8e" Cengage Learning 2020, 2015 AP - Giải Tích Nhập Môn - "Precalculus With Limits A Graphing Approach 8e" Cengage Learning 2020, 2015 AP - Giải Tích AB - "Calculus 11e" Cengage Learning 2018, 2014 AP - Giải Tích BC - "Calculus 11e" Cengage Learning 2018, 2014 AP - Thống Kê - The Practice of Statistics, Ấn bản lần 6 đã cập nhật: BFW; 2020 Khám Phá Khoa Học Máy Tính - ECS: Exploring Computer Science; Joanna Goode, Gail Chapman 2016 AP - Khoa Học Máy Tính A - Tài liệu trực tuyến Suy Luận Toán Học với Kết Nối - Tài liệu MRWC do CSU cung cấp	0%
Khoa Học	Sinh Học NGSS - The Living Earth -- Sách giáo khoa điện tử CK-12 Hóa Học NGSS Trong Hệ Trái Đất – Sách giáo khoa điện tử CK-12 Vật Lý Vũ Trụ NGSS - Sách giáo khoa điện tử CK-12	0%

	Khoa Học Pháp Y - A Hands-on Introduction to Forensics Science 2014 AP - Sinh Học - Biology for the AP Course - Morris et al, Bedford, Freeman, & Worth 2022 AP Hóa Học - Tro: Chemistry A Molecular Approach - SAVVAS/ Pearson AP - Vật Lý 1 và 2 - College Physics: A Strategic Approach AP® Edition, Ấn bản lần 4 AP - Khoa Học Môi Trường - Environmental Science for the AP® Course 4th edition, 2023 - Bedford Freeman and Worth AP - Vật Lý C- Knight, Physics for Scientists and Engineers: A Strategic Approach with Modern Physics 5e, AP Edition ©2022 with Mastering Physics with eText - SAVVAS/ Pearson Sinh Lý Học - Welsh Hole's Essentials of Anatomy and Physiology 2021 2e with Lab Manual - McGraw Hill Sinh Học Biển -Marine Science - Greene, Thomas, Marine Science (2018) Ấn bản lần 3 Kiến Thức Cốt Lõi về Trái Đất Sống - Sách giáo khoa điện tử CK-12 Kiến Thức Cốt Lõi về Khoa Học Vật Lý - Sách giáo khoa điện tử CK-12	
Lịch sử-Khoa học xã hội	Lịch Sử Thế Giới – " World History Interactive" SAVVAS 2022 Lịch Sử Hoa Kỳ – "United States History Interactive" SAVVAS 2022 Chính Phủ Hoa Kỳ – "Government Alive! Power, Politics and You" TCI 2022 Kinh Tế Học – "Econ Alive! The Power to Choose" TCI 2022 AP - Lịch Sử Thế Giới - "The Earth and Its Peoples AP Edition" Cengage Learning 2022 AP - Lịch Sử Hoa Kỳ - AP US History - Brinkley, American History: Connecting with the Past, AP Edition, 16e ©2023 AP - Chính Phủ - "Harrison, American Democracy Now" McGraw Hill 2022 AP - Kinh Tế Vĩ Mô/Vi Mô - "Economics (AP)" McGraw Hill 2025 AP - Địa Lý Nhân Văn - AP Human Geography - "Human Geography for the AP Course " 2022 AP - Tâm Lý Học - "Psychology for AP" Worth 2024 Địa Lý Thế Giới - "Geography Alive!" TCI 2011 Different Mirror for Young People a History 2012 Thinking About Psychology BFW 2019 "The Real World An Introduction to Sociology" Norton 2022 "Street Law" McGraw Hill 2023 "Juvenile Justice" McGraw Hill 2023	0%
Ngoại ngữ	Sách Giáo Khoa và Tài Liệu Giảng Dạy đang sử dụng phải phù hợp các tiêu chuẩn và được thông qua chính thức.	0%
Sức Khỏe	Sách Giáo Khoa và Tài Liệu Giảng Dạy đang sử dụng phải phù hợp các tiêu chuẩn và được thông qua chính thức.	0%
Nghệ thuật thị giác và biểu diễn	Sách Giáo Khoa và Tài Liệu Giảng Dạy đang sử dụng phải phù hợp các tiêu chuẩn và được thông qua chính thức.	0%
Thiết bị phòng thí nghiệm khoa học (lớp 9-12)	Các phòng thí nghiệm khoa học được trang bị đầy đủ	0%
Lưu ý: Các ô có giá trị Không áp dụng không yêu cầu dữ liệu.		

Điều Kiện Cơ Sở Vật Chất của Trường và Những Cải Tiến Theo Kế Hoạch

Học Khu nỗ lực hết sức mình để bảo đảm tất cả trường học đều sạch sẽ, an toàn và hoạt động tốt. Học khu sử dụng công cụ khảo sát cơ sở vật chất do Văn Phòng Xây Dựng Trường Công Lập của Tiểu Bang California phát triển để hỗ trợ cho nỗ lực này. Kết quả của cuộc khảo sát này có sẵn tại các văn phòng học khu và trường.

Hội Đồng Chương Quản của Học Khu Chánh đã phê chuẩn các tiêu chuẩn vệ sinh cho tất cả các trường học. Đội Ngũ Lãnh Đạo sẽ làm việc hằng ngày với nhân viên tạp vụ trường để xây dựng lịch biểu vệ sinh nhằm bảo đảm trường học luôn sạch sẽ và an toàn. Các kỹ thuật viên cơ sở vật chất chuyên trách của học khu sẽ hỗ trợ các nỗ lực của họ.

Học khu tham gia Chương Trình Bảo Trì Trì Hoãn Trường Học Cấp Tiểu Bang, nhằm cung cấp nguồn vốn đối ứng của tiểu bang theo tỷ lệ 1:1 để hỗ trợ các học khu chi trả cho việc sửa chữa hoặc thay thế đáng kể các bộ phận của tòa nhà trường học hiện có. Thông thường bao gồm mái tòa nhà, hệ thống ống nước, sưởi ấm, điều hòa không khí, hệ thống điện, sơn bên trong và bên ngoài tòa nhà và hệ thống sàn.

Mặc dù khuôn viên trường chính được xây dựng vào năm 1976, hầu hết các tòa nhà đã được tu sửa hoặc đang trong quá trình tu sửa.

Trong năm học 2024-2025, cải tiến mới nhất cho khuôn viên trường là Tòa Nhà E, đã được mở rộng thành khu liên hợp học sinh với các phòng học nhạc mới, khu cổ vấn/thư viện, bếp và các không gian hành chính. Trong vòng 10 năm qua, khu A-Villa đã bị phá bỏ và thay thế bằng khu sinh hoạt chung/vui chơi giải trí cho học sinh, B-Villa đã được làm mới thành trung tâm nghệ thuật thị giác; Nhà Hát đã được nâng cấp và hiện đại hóa; tòa nhà J đã được chuyển đổi thành nơi đặt Trường Trung Học Pegasus; khu G và tòa nhà H đã được làm mới thành trụ sở Trường Trung Học Công Lập Đặc Cách ACE. Mặt sân vận động đã được thay mới vào Mùa Xuân năm 2025 và đường chạy điền kinh đã được nâng cấp.

Năm và tháng lập báo cáo FIT gần đây nhấtTháng Bảy, 2025

Hệ thống đã được kiểm tra	Đánh giá tốt	Đánh giá trung bình	Đánh giá kém	Sửa chữa cần thiết và hành động đã thực hiện hoặc dự trù
Hệ thống: Rò rỉ khí gas, Cơ khí/HVAC, Cống rãnh	X			
Nội thất: Bề mặt nội thất			X	Nhiều tấm trần nhà cần phải thay thế vì bị hư hại do nước.
Độ sạch sẽ: Độ sạch sẽ chung, Sự xâm nhập của sâu bọ	X			
Điện	X			
Nhà vệ sinh/Bồn rửa: Nhà vệ sinh, bồn rửa			X	Cửa phòng vệ sinh nam của buồng vệ sinh bị hư hại do cháy.
An toàn: An toàn cháy nổ, Vật liệu nguy hại	X			
Kết cấu: Hư hỏng về kết cấu, Mái nhà			X	Sự cố mái nhà đã biết tại tòa nhà B300, Khu M3
Ngoại thất: Sân chơi/Sân trường, Cửa sổ/Cửa ra vào/Cống/Hàng rào	X			

Đánh giá chung về cơ sở vật chất			
Mẫu mực	Tốt	Trung bình	Kém
	X		

B. Kết Quả Học Tập của Học Sinh

Ưu Tiên của Tiểu Bang: Thành Tích của Học Sinh

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Thành Tích của Học Sinh (Ưu Tiên 4):

Bài Đánh Giá Toàn Tiểu Bang
(cụ thể là Hệ Thống Bài Đánh Giá Thành Tích và Tiến Bộ của Học Sinh California [CAASPP] bao gồm Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced dành cho học sinh trong nhóm giáo dục phổ thông và Bài Đánh Giá Thay Thế California [CAA] dành cho môn ngữ văn Anh/đọc viết [ELA] và toán được tổ chức cho học sinh từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một. Chỉ những học sinh đủ điều kiện mới có thể tham gia bài đánh giá CAA. Các mục kiểm tra trong bài đánh giá CAA được liên kết với các tiêu chuẩn thành tích thay thế, có liên quan đến Tiêu Chuẩn Cốt Lõi Chung của Tiểu Bang [CCSS] dành cho học sinh có khuyết tật nhận thức nghiêm trọng nhất).

Hệ thống CAASPP bao gồm các bài đánh giá và yêu cầu tham gia của học sinh như sau:

- Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA cho môn ELA** từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một.
- Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA cho môn Toán** từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một.
- Bài Kiểm Tra Khoa Học California (CAST) và CAA về Khoa học** ở lớp năm, lớp tám và một lần ở bậc trung học (tức là lớp mười, lớp mười một hoặc lớp mười hai).

Mức độ sẵn sàng vào Đại học và Đi làm
Tỷ lệ học sinh đã hoàn thành các khóa học đáp ứng được các yêu cầu tuyển sinh vào Đại Học California và Đại Học Tiểu Bang California, hoặc các chương trình hoặc trình tự giáo dục kỹ thuật và nghề nghiệp.

Tỷ lệ học sinh đạt hoặc vượt tiêu chuẩn của tiểu bang trong CAASPP						
Bảng này hiển thị kết quả bài kiểm tra CAASPP về môn ELA và Toán cho tất cả học sinh từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang tổ chức.						
Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.						
Kết quả kiểm tra ELA và Toán bao gồm Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA. “Tỷ lệ đạt hoặc vượt chuẩn” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đạt hoặc vượt chuẩn trong Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced cộng với tổng số học sinh đạt chuẩn (tức là đạt Cấp độ 3 - Thay thế) trong CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai bài đánh giá.						
Môn học	Trường Học 2023-24	Trường Học 2024-25	Khu Học Chánh 2023-24	Khu Học Chánh 2024-25	Tiểu Bang 2023-24	Tiểu Bang 2024-25
Ngữ văn Anh/Đọc viết (lớp 3-8 và 11)	60	62	56	56	47	48
Toán (lớp 3-8 và 11)	33	31	33	34	35	37

Kết quả khảo thí CAASPP năm 2024-25 môn ELA theo nhóm học sinh

Bảng này hiển thị kết quả bài kiểm tra CAASPP về môn ELA theo nhóm học sinh cho tất cả học sinh từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang tổ chức.

Kết quả kiểm tra ELA bao gồm Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA. “Tỷ lệ đạt hoặc vượt chuẩn” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đạt hoặc vượt chuẩn trong Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced cộng với tổng số học sinh đạt chuẩn (tức là đạt Cấp độ 3 - Thay thế) trong CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai bài đánh giá.

Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Lưu ý: Số lượng học sinh được khảo thí bao gồm tất cả học sinh tham gia khảo thí bất kể có nhận được điểm hay không; tuy nhiên, số lượng học sinh được khảo thí không phải là con số được sử dụng để tính phần trăm mức thành tích. Mức thành tích chỉ được tính cho những học sinh nhận được điểm.

Nhóm học sinh CAASPP	Tổng số ghi danh CAASPP	Số lượng được khảo thí CAASPP	Phần trăm được khảo thí CAASPP	Phần trăm không được khảo thí CAASPP	Phần trăm đạt hoặc vượt chuẩn CAASPP
Tất cả học sinh	566	429	75.80	24.20	62.47
Nữ	270	204	75.56	24.44	63.73
Nam	296	225	76.01	23.99	61.33
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	--	--	--	--	--
Người gốc Á	210	175	83.33	16.67	74.86
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	13	7	53.85	46.15	--
Người gốc Philippines	97	72	74.23	25.77	72.22
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	210	145	69.05	30.95	43.45
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	--	--	--	--	--
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	14	12	85.71	14.29	66.67
Người Da Trắng	13	11	84.62	15.38	54.55
Học Viên Tiếng Anh	125	88	70.40	29.60	18.18
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi	0	0	0	0	0
Học sinh vô gia cư	22	10	45.45	54.55	--
Quân đội	0	0	0	0	0
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	355	256	72.11	27.89	53.52
Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư	--	--	--	--	--
Học sinh khuyết tật	80	51	63.75	36.25	13.73

Kết quả khảo thí CAASPP năm 2024-25 môn Toán theo nhóm học sinh

Bảng này hiển thị kết quả bài kiểm tra CAASPP về môn Toán theo nhóm học sinh cho tất cả học sinh từ lớp ba đến lớp tám và lớp mười một tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang tổ chức.

Kết quả kiểm tra môn Toán bao gồm Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced và CAA. “Tỷ lệ đạt hoặc vượt chuẩn” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đạt hoặc vượt chuẩn trong Bài Đánh Giá Tổng Hợp Smarter Balanced cộng với tổng số học sinh đạt chuẩn (tức là đạt Cấp độ 3 - Thay thế) trong CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai bài đánh giá.

Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Lưu ý: Số lượng học sinh được khảo thí bao gồm tất cả học sinh tham gia khảo thí bất kể có nhận được điểm hay không; tuy nhiên, số lượng học sinh được khảo thí không phải là con số được sử dụng để tính phần trăm mức thành tích. Mức thành tích chỉ được tính cho những học sinh nhận được điểm.

Nhóm học sinh CAASPP	Tổng số ghi danh CAASPP	Số lượng được khảo thí CAASPP	Phần trăm được khảo thí CAASPP	Phần trăm không được khảo thí CAASPP	Phần trăm đạt hoặc vượt chuẩn CAASPP
Tất cả học sinh	566	457	80.74	19.26	30.99
Nữ	270	215	79.63	20.37	25.58
Nam	296	242	81.76	18.24	35.83
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	--	--	--	--	--
Người gốc Á	210	176	83.81	16.19	46.02
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	13	9	69.23	30.77	--
Người gốc Philippines	97	85	87.63	12.37	30.59
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	210	157	74.76	25.24	14.10
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	--	--	--	--	--
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	14	12	85.71	14.29	33.33
Người Da Trắng	13	12	92.31	7.69	54.55
Học Viên Tiếng Anh	125	95	76.00	24.00	6.45
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi	0	0	0	0	0
Học sinh vô gia cư	22	12	54.55	45.45	0.00
Quân đội	0	0	0	0	0
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	355	274	77.18	22.82	20.88
Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư	--	--	--	--	--
Học sinh khuyết tật	80	54	67.50	32.50	9.43

Kết quả khảo thí CAASPP môn Khoa học dành cho tất cả học sinh

Bảng này hiển thị tỷ lệ phần trăm tất cả học sinh lớp năm, lớp tám và bậc Trung Học đạt hoặc vượt Tiêu Chuẩn của Tiểu Bang.

Kết quả kiểm tra môn Khoa học bao gồm CAST và CAA môn Khoa học. “Tỷ lệ đạt hoặc vượt chuẩn” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đạt hoặc vượt chuẩn trong CAST cộng với tổng số học sinh đạt chuẩn (tức là đạt Cấp độ 3 - Thay thế) trong CAA cho môn Khoa học chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai bài đánh giá môn khoa học.

Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Số lượng học sinh được khảo thí bao gồm tất cả học sinh tham gia khảo thí bất kể có nhận được điểm hay không; tuy nhiên, số lượng học sinh được khảo thí không phải là con số được sử dụng để tính phần trăm mức thành tích. Mức thành tích chỉ được tính cho những học sinh nhận được điểm.

Môn học	Trường Học 2023-24	Trường Học 2024-25	Khu Học Chánh 2023-24	Khu Học Chánh 2024-25	Tiểu Bang 2023-24	Tiểu Bang 2024-25
Khoa Học (lớp 5, 8 và trung học)	44.61	43.5	39.02	39.56	30.73	32.33

Kết quả khảo thí CAASPP năm 2024-25 môn Khoa học theo nhóm học sinh					
Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.					
Nhóm học sinh	Tổng số ghi danh	Số lượng được khảo thí	Phần trăm được khảo thí	Phần trăm không được khảo thí	Phần trăm đạt hoặc vượt chuẩn
Tất cả học sinh	1131	989	87.44	12.56	43.50
Nữ	551	485	88.02	11.98	39.34
Nam	580	504	86.90	13.10	47.50
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	--	--	--	--	--
Người gốc Á	443	411	92.78	7.22	57.80
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi	18	14	77.78	22.22	35.71
Người gốc Philippines	201	187	93.03	6.97	41.71
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	396	316	79.80	20.20	22.44
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương	--	--	--	--	--
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên	30	29	96.67	3.33	65.52
Người Da Trắng	30	23	76.67	23.33	65.22
Học Viên Tiếng Anh	242	187	77.27	22.73	1.64
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi	--	--	--	--	--
Học sinh vô gia cư	48	30	62.50	37.50	10.00
Quân đội	0	0	0	0	0
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn	732	621	84.84	15.16	38.41
Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư	--	--	--	--	--
Học sinh khuyết tật	137	97	70.80	29.20	8.51

Chương trình Giáo Dục Kỹ Thuật và Nghề Nghiệp 2024-25

Trong năm học 2024-2025, Trường Trung Học Independence cung cấp các khóa học giúp học sinh chuẩn bị bắt đầu đi làm. Các khóa học giáo dục kỹ thuật và nghề nghiệp (CTE) này dành cho tất cả học sinh. Ngoài các khóa học được cung cấp tại Independence, học sinh lớp 11 và lớp 12 còn có cơ hội tham gia Trung Tâm Kỹ Thuật Nghề Nghiệp Silicon Valley (SV-CTE). Các chương trình mà Independence cung cấp nằm trong lĩnh vực: Tài Chính và Kinh Doanh, Công Nghệ Thông Tin, Học Viện Sư Phạm, Công Nghệ Ô Tô (Vận Tải), Học Viện Điện Tử, và Ngành Mộc/Xây Dựng. Với trọng tâm là Các Tiêu Chuẩn Cốt Lõi Chung, nay đã có sự tập trung lớn vào giáo dục Cao Đẳng đến Nghề Nghiệp.

Tham gia Giáo Dục Kỹ Thuật và Nghề Nghiệp (CTE) năm 2024-25

Thước đo	Tham gia chương trình CTE
Số lượng học sinh tham gia CTE	
Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình CTE và nhận bằng tốt nghiệp trung học	
Tỷ lệ các khóa học CTE được sắp xếp theo trình tự hoặc liên kết giữa trường học và các cơ sở giáo dục sau trung học	

Đăng ký/Hoàn thành khóa học 2024-25

Bảng này hiển thị các yêu cầu tuyển sinh/hoàn thành khóa học của Đại Học California (UC) và/hoặc Đại Học Tiểu Bang California (CSU).

Thước đo Khóa học UC/CSU	Phần trăm
Học sinh đã đăng ký các khóa học bắt buộc để được nhận vào UC/CSU	
Học sinh tốt nghiệp đã hoàn thành tất cả các khóa học bắt buộc để được nhận vào UC/CSU	

B. Kết Quả Học Tập của Học Sinh

Ưu Tiên của Tiểu Bang: Kết quả khác của học sinh

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Các kết quả khác của học sinh (Ưu tiên 8): Kết quả học tập của học sinh trong môn giáo dục thể chất.

Tỷ lệ tham gia Bài Kiểm Tra Thể Lực California 2024-25

Bảng này hiển thị tỷ lệ phần trăm học sinh tham gia từng thành phần trong số năm thành phần kiểm tra thể lực của Bài Kiểm Tra Thể Lực California. Bài thi PFT chỉ yêu cầu kết quả tham gia cho năm thành phần kiểm tra thể lực này. Tỷ lệ phần trăm không được tính toán và dấu gạch ngang kép (--) xuất hiện trong bảng khi số lượng học sinh được kiểm tra từ mười trở xuống, có thể là do số lượng học sinh trong danh mục này quá ít để đảm bảo độ chính xác về mặt thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Khối lớp	Thành phần 1: Bài tập hiếu khí	Thành phần 2: Sức bền và Sức mạnh cơ bụng	Thành phần 3: Duỗi thân, Sức mạnh và Độ dẻo dai	Thành phần 4: Sức mạnh và Sức bền của thân trên	Thành phần 5: Độ linh hoạt
Lớp 9	89.9%	91.6%	91.0%	91.2%	91.4%

C. Mức Độ Gắn Kết

Ưu Tiên của Tiểu Bang: Sự Tham Gia của Phụ Huynh

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Sự Tham Gia của Phụ Huynh (Ưu tiên 3): Những nỗ lực của khu học chánh nhằm tìm kiếm ý kiến đóng góp của phụ huynh trong việc đưa ra quyết định liên quan đến khu học chánh và tại mỗi cơ sở trường học.

Cơ hội tham gia của phụ huynh năm 2025-26

Trong năm học 2025-2026, Trung Tâm Phụ Huynh của chúng tôi, đặt tại phòng D-207 cạnh khu liên hợp học sinh mới, sẽ thúc đẩy mối quan hệ hợp tác giữa học sinh, gia đình và nhà trường. Nơi đây sẽ cung cấp các nguồn lực và hội thảo hàng tháng cho phụ huynh và người giám hộ nhằm bảo đảm các em đạt thành tích học tập cũng như thành công ở trường và trong cuộc sống. Các bậc phụ huynh được mời tham gia Ủy Ban Cố Vấn Người Học Tiếng Anh (ELAC), Hội Đồng Trường Học (SSC) và chuỗi chương trình “Coffee with The Principal” (Cà Phê với Hiệu Trưởng). Bằng những cách này, phụ huynh có thể tác động đến chính sách của trường và việc sử dụng công quỹ theo những cách tác động tích cực nhất đến học sinh của họ. SSC họp theo hình thức kết hợp trực tiếp và qua Zoom lúc 5:30 chiều Thứ Ba đầu tiên của mỗi tháng trong lúc trường đang học. Các thành viên có quyền biểu quyết sẽ được bầu hàng năm, và mọi phụ huynh đều có thể tự ứng cử tham gia. Các cuộc họp mở cửa cho công chúng, và khuyến khích thảo luận công khai. Chúng tôi luôn tìm cách tăng cường sự tham gia của phụ huynh và mong muốn được lắng nghe ý kiến của bất kỳ phụ huynh nào muốn có vai trò lớn hơn trong việc giáo dục con em mình. Chúng tôi cũng có các buổi hội thảo dành cho phụ huynh do các cố vấn trường học và chuyên gia tham gia cộng đồng phụ huynh tổ chức, cùng các hội nghị trao quyền cho phụ huynh do học khu tổ chức.

Chuyên Viên Gắn Kết Phụ Huynh & Cộng Đồng, Maggie Rodriguez, rất mong muốn thu hút các bậc phụ huynh, bảo đảm quyền truy cập Canvas trực tuyến và tăng cường sự tham gia của phụ huynh theo những cách tác động tích cực đến học sinh.

C. Mức Độ Gắn Kết

Ưu Tiên của Tiểu Bang: Sự tham gia của học sinh

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Sự tham gia của học sinh (Ưu tiên 5):

- Tỷ lệ bỏ học bậc Trung học;
- Tỷ lệ tốt nghiệp trung học; và
- Vắng mặt thường xuyên

Tỷ lệ bỏ học và tỷ lệ tốt nghiệp (Tỷ lệ nhóm bốn năm)									
Chỉ số	Trường Học 2022-23	Trường Học 2023-24	Trường Học 2024-25	Khu Học Chánh 2022-23	Khu Học Chánh 2023-24	Khu Học Chánh 2024-25	Tiểu Bang 2022-23	Tiểu Bang 2023-24	Tiểu Bang 2024-25
Tỷ lệ bỏ học	8.7	8		15.2	12.3		8.2	8.9	
Tỷ lệ tốt nghiệp	85.5	83.1		77.8	80.5		86.2	86.4	

Tỷ lệ tốt nghiệp năm 2024-25 theo nhóm học sinh (Tỷ lệ nhóm bốn năm)

Bảng này hiển thị tỷ lệ tốt nghiệp năm 2023-24 theo nhóm học sinh. Để biết thông tin về Tỷ lệ tốt nghiệp theo nhóm điều chỉnh bốn năm (ACGR), vui lòng truy cập trang web Tỷ lệ tốt nghiệp theo nhóm điều chỉnh của CDE tại địa chỉ www.cde.ca.gov/ds/ad/acgrinfo.asp.

Nhóm học sinh	Số lượng học sinh trong nhóm	Số lượng tốt nghiệp trong nhóm	Tỷ lệ tốt nghiệp trong nhóm
Tất cả học sinh			
Nữ			
Nam			
Phi nhị giới			
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa			
Người gốc Á			
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi			
Người gốc Philippines			
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh			
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương			
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên			
Người Da Trắng			
Học Viên Tiếng Anh			
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng			
Học sinh vô gia cư			
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn			
Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư			
Học sinh khuyết tật			

Để biết thông tin về Tỷ lệ tốt nghiệp theo nhóm điều chỉnh bốn năm (ACGR), vui lòng truy cập trang web Tỷ lệ tốt nghiệp theo nhóm điều chỉnh của CDE tại địa chỉ <https://www.cde.ca.gov/ds/ad/acgrinfo.asp>.

Lưu ý: Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Vắng mặt thường xuyên năm 2024-25 theo nhóm học sinh

Nhóm học sinh	Tổng số tuyển sinh cộng dồn	Tuyển sinh đủ điều kiện vắng mặt thường xuyên	Số lượng vắng mặt thường xuyên	Tỷ lệ vắng mặt thường xuyên
Tất cả học sinh				
Nữ				
Nam				
Phi nhị giới				
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa				
Người gốc Á				
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi				
Người gốc Philippines				
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh				
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương				
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên				
Người Da Trắng				
Học Viên Tiếng Anh				
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi				
Học sinh vô gia cư				
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn				
Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư				
Học sinh khuyết tật				

Lưu ý: Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

C. Mức Độ Gắn Kết

Ưu Tiên của Tiểu Bang: Môi Trường Học Đường

SARC cung cấp các thông tin sau đây có liên quan đến ưu tiên của Tiểu bang: Môi trường học đường (Ưu tiên 6):

- Tỷ lệ học sinh bị đình chỉ học tập;
- Tỷ lệ học sinh bị đuổi học; và
- Các biện pháp nội bộ khác về cảm giác an toàn

Tỷ lệ đình chỉ và đuổi học

Bảng này hiển thị dữ liệu về tỷ lệ đình chỉ.

Đình chỉ								
Trường Học 2022-23	Trường Học 2023-24	Trường Học 2024-25	Khu Học Chánh 2022-23	Khu Học Chánh 2023-24	Khu Học Chánh 2024-25	Tiểu Bang 2022-23	Tiểu Bang 2023-24	Tiểu Bang 2024-25

3.22%	1.47%		3.72%	2.82%		3.6%	3.28%	
-------	-------	--	-------	-------	--	------	-------	--

Lưu ý: Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Bảng này hiển thị dữ liệu về tỷ lệ đuổi học.

Đuổi học								
Trường Học 2022-23	Trường Học 2023-24	Trường Học 2024-25	Khu Học Chánh 2022-23	Khu Học Chánh 2023-24	Khu Học Chánh 2024-25	Tiểu Bang 2022-23	Tiểu Bang 2023-24	Tiểu Bang 2024-25

0.07%	0.08%		0.05%	0.05%		0.08%	0.07%	
-------	-------	--	-------	-------	--	-------	-------	--

Lưu ý: Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Tỷ lệ đình chỉ và đuổi học theo nhóm học sinh năm 2024-25

Nhóm học sinh	Tỷ lệ đình chỉ	Tỷ lệ đuổi học
Tất cả học sinh		
Nữ		
Nam		
Phi nhị giới		
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa		
Người gốc Á		
Người Da Đen hoặc Người Mỹ gốc Phi		
Người gốc Philippines		
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh		
Người Hawaii Bản Địa hoặc Người dân đảo Thái Bình Dương		
Học sinh thuộc hai chủng tộc trở lên		
Người Da Trắng		
Học Viên Tiếng Anh		
Thanh thiếu niên thuộc diện chăm sóc nuôi dưỡng		
Học sinh vô gia cư		
Học sinh có hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn		
Học sinh nhận được dịch vụ giáo dục nhập cư		
Học sinh khuyết tật		

Lưu ý: Để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh, dấu gạch ngang kép (--) được sử dụng trong bảng khi số ô trong nhóm học sinh được chọn là mười hoặc ít hơn.

Kế Hoạch An Toàn Trường Học 2025-26

Đối với năm học 2025-2026, Trường Trung Học Independence có một kế hoạch an toàn trường học cực kỳ chi tiết và đầy đủ, bao gồm các quy trình, hệ thống và thủ tục ứng phó với bất kỳ/mọi tình huống khẩn cấp. Kế hoạch này cũng bao gồm các mục tiêu an toàn hàng năm được các học sinh, nhân viên và phụ huynh đề ra. Kế Hoạch An Toàn được xây dựng bởi Ủy Ban An Toàn Independence, bao gồm các đại diện từ các đơn vị thương lượng khác nhau với sự đóng góp từ các đơn vị thương lượng của chúng tôi và được Hội Đồng Trường Học xem xét trước khi trình lên Hội Đồng Chương Quản Khu Học Chánh Trung Học East Side Union để thông qua. Kế Hoạch An Toàn và các quy trình diễn tập sẽ được tất cả đội ngũ nhân viên xem xét lại trong năm. Các cảnh báo về an toàn sẽ được chia sẻ với toàn thể nhân viên khi cần trong suốt năm học. Ngoài ra, mọi buổi diễn tập bắt buộc đều được xếp lịch và hoàn thành, và kết quả sẽ được gửi đến tất cả nhân viên.

Ủy Ban An Toàn Independence sẽ họp hàng tháng để xem xét dữ liệu an toàn và thảo luận các giải pháp cho các vấn đề an toàn tiềm ẩn. Ngoài ra, ủy ban còn đánh giá tiến độ thực hiện các mục tiêu hàng năm và quyết định mục tiêu cho năm tiếp theo. Dựa theo Bản Đánh Giá Mục Tiêu An Toàn Hàng Năm cho Kế Hoạch An Toàn năm học 2025-26 đã được phê duyệt, Các Mục Tiêu An Toàn cho năm học 2025-26 của chúng tôi gồm:

- 1: Giảm tỷ lệ đình chỉ học để tương đương hoặc thấp hơn tỷ lệ của Học Khu, Quận và Tiểu Bang.
- 2: Cải thiện tỷ lệ chuyên cần, đặc biệt là tỷ lệ Vắng Mặt Thường Xuyên, để phù hợp hoặc cao hơn đáng kể so với tỷ lệ của Quận và Tiểu Bang.
- 3: Tiếp tục triển khai và hoàn thiện các chiến lược MTSS Bậc 1 và Bậc 2 cho các vấn đề Xã Hội/Cảm Xúc và hỗ trợ về hành vi.

Quy mô lớp học trung bình cho bậc sơ trung và Phân bố quy mô lớp học năm 2022-23

Bảng này hiển thị quy mô lớp học trung bình và phân bố quy mô lớp học năm 2022-23. Các cột có tiêu đề “Số lượng lớp học” cho biết có bao nhiêu lớp học theo từng loại quy mô (phạm vi tổng số học sinh trên mỗi phòng học). Ở bậc sơ trung, thông tin này được báo cáo theo môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Quy mô lớp học trung bình	Số lượng lớp học với 1-22 học sinh	Số lượng lớp học với 23-32 học sinh	Số lượng lớp học với 33 học sinh trở lên
Ngữ Văn Anh	25	33	72	6
Toán	27	20	43	25
Khoa Học	26	20	50	12
Khoa Học Xã Hội	27	18	45	18

Quy mô lớp học trung bình cho bậc sơ trung và Phân bố quy mô lớp học năm 2023-24

Bảng này hiển thị quy mô lớp học trung bình và phân bố quy mô lớp học năm 2023-24. Các cột có tiêu đề “Số lượng lớp học” cho biết có bao nhiêu lớp học theo từng loại quy mô (phạm vi tổng số học sinh trên mỗi phòng học). Ở bậc sơ trung, thông tin này được báo cáo theo môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Quy mô lớp học trung bình	Số lượng lớp học với 1-22 học sinh	Số lượng lớp học với 23-32 học sinh	Số lượng lớp học với 33 học sinh trở lên
Ngữ Văn Anh	24	39	64	8
Toán	29	10	51	17
Khoa Học	27	12	54	11
Khoa Học Xã Hội	25	22	49	10

Quy mô lớp học trung bình cho bậc sơ trung và Phân bố quy mô lớp học năm 2024-25

Bảng này hiển thị quy mô lớp học trung bình và phân bố quy mô lớp học năm 2024-25. Các cột có tiêu đề “Số lượng lớp học” cho biết có bao nhiêu lớp học theo từng loại quy mô (phạm vi tổng số học sinh trên mỗi phòng học). Ở bậc sơ trung, thông tin này được báo cáo theo môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Quy mô lớp học trung bình	Số lượng lớp học với 1-22 học sinh	Số lượng lớp học với 23-32 học sinh	Số lượng lớp học với 33 học sinh trở lên
Ngữ Văn Anh				
Toán				
Khoa Học				
Khoa Học Xã Hội				

Tỷ lệ học sinh so với cố vấn học tập năm 2024-25

Bảng này hiển thị tỷ lệ học sinh so với Cố vấn học tập. Một Tương đương toàn thời gian (FTE) tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian.

Chức danh	Tỷ lệ
Học sinh so với Cố vấn học tập	

Nhân viên Dịch Vụ Hỗ Trợ Học Sinh năm 2024-25

Bảng này hiển thị số lượng nhân viên hỗ trợ FTE được phân công cho trường này. Một Tương đương toàn thời gian (FTE) tương đương với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể đại diện cho hai nhân viên, mỗi người làm việc 50 phần trăm thời gian toàn thời gian. Danh mục “Khác” dành cho tất cả các vị trí nhân viên dịch vụ hỗ trợ học sinh khác không được liệt kê.

Chức danh	Số lượng FTE được phân công cho trường
Cố vấn (Phát triển học thuật, xã hội/hành vi hoặc nghề nghiệp)	
Giáo viên truyền thông thư viện (Thủ thư)	
Nhân viên dịch vụ truyền thông thư viện (Hỗ trợ)	
Chuyên gia tâm lý	
Nhân viên xã hội	
Y tá	
Chuyên Gia Âm Ngữ/Ngôn Ngữ/Thính Giác	
Chuyên gia nguồn lực (không giảng dạy)	
Khác	

Chi tiêu cho mỗi học sinh và lương giáo viên tại trường trong năm tài chính 2023-24

Bảng này hiển thị chi phí cho mỗi học sinh và mức lương giáo viên trung bình của trường này trong năm 2023-24. Các ô có giá trị Không áp dụng không yêu cầu dữ liệu.

Cấp độ	Tổng chi tiêu mỗi học sinh	Chi tiêu mỗi học sinh (Hạn chế)	Chi tiêu mỗi học sinh (Không hạn chế)	Mức lương giáo viên trung bình
Trường Học	\$14,103	\$3,163	\$10,940	\$113,895
Khu Học Chánh	Không áp dụng	Không áp dụng	\$10,454	\$116,804
Phần Trăm Chênh Lệch - Cấp Trường và Cấp Học Khu	Không áp dụng	Không áp dụng	4.5	2.5
Tiểu Bang	Không áp dụng	Không áp dụng	\$11,146	\$113,595
Phần Trăm Chênh Lệch - Cấp Trường và Cấp Tiểu Bang	Không áp dụng	Không áp dụng	1.6	7.9

Các loại dịch vụ được cấp kinh phí trong năm tài chính 2024-25

Đối với năm học 2024-2025, kinh phí của trường sẽ được lấy từ chính quyền tiểu bang hoặc liên bang. Mỗi quỹ trường học được thành lập để đáp ứng nhu cầu cụ thể của học sinh và dựa trên luật pháp được thông qua để giải quyết nhu cầu đó. Ví dụ, Đề Mục I có mục đích giúp giảm bớt tác động của nghèo đói bằng cách hỗ trợ thêm cho việc học tập của trẻ. Đề Mục III nhằm mục đích hỗ trợ thành tích của Người Học Tiếng Anh và học sinh nhập cư. Mỗi quỹ theo danh mục đều có công thức riêng để xác định cách phân bổ. Một số được phân bổ theo lượng ghi danh (CBEDS), và một số theo đặc điểm học sinh (nếu các em được nhận bữa trưa miễn phí hoặc giảm giá hoặc nếu các em là Người Học Tiếng Anh). Việc phân bổ các khoản quỹ này ở cấp trường được quy định trong Kế Hoạch Thống Nhất Nâng Cao Thành Tích Học Sinh, kế hoạch này ban đầu được Hội Đồng Trường Học phê duyệt và sau đó được Hội Đồng Chương Quản thông qua.

Independence nhận được:
Các Quỹ theo Đề Mục 1 – Các khoản tiền này được sử dụng để bảo đảm tất cả học sinh đều có cơ hội công bằng, bình đẳng và đáng kể để đạt được một nền giáo dục chất lượng cao cũng như tối thiểu phải đạt trình độ thông thạo.

Quỹ Chương Trình Kiểm Soát và Trách Nhiệm Giải Trình Địa Phương – Các quỹ này hỗ trợ chương trình và dịch vụ bổ sung cho Người Học Tiếng Anh và học sinh có hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

Từ nguồn quỹ này, các chương trình sau đây đang được tài trợ:
Một chương trình Toán Học phục hồi tập trung vào việc giúp học sinh lấy lại tín chỉ môn toán.
Chương trình AVID
Điều Phối Phát Triển Chuyên Môn
Hỗ trợ cho Học Sinh Khuyết Tật và học sinh trường McKinney Vento.

Lương giáo viên và ban giám hiệu trong năm tài chính 2023-24

Bảng này hiển thị mức lương của Giáo viên và Ban giám hiệu trong năm 2023-24. Để biết thông tin chi tiết về mức lương, vui lòng tham khảo trang web Lương và Phúc lợi Chứng nhận CDE tại địa chỉ <http://www.cde.ca.gov/ds/fd/cs/>.

Danh mục	Số tiền của Khu Học Chánh	Trung bình của tiểu bang cho các Khu Học Chánh trong cùng danh mục
Lương giáo viên mới	\$69,900	\$67,238
Lương giáo viên có thâm niên trung bình	\$110,474	\$106,841
Mức lương cao nhất của Giáo viên	\$141,638	\$136,881
Mức lương trung bình của Hiệu trưởng (Tiểu học)		
Mức lương trung bình của Hiệu trưởng (Sơ trung)		\$167,233
Mức lương trung bình của Hiệu trưởng (Trung học)	\$181,735	\$193,950
Mức lương của Giám Đốc Khu Học Chánh	\$329,669	\$314,304
Phần trăm ngân sách cho Lương giáo viên	30.96%	29.51%
Phần trăm ngân sách dành cho Lương của Ban giám hiệu	3.45%	4.87%

Các khóa học Xếp Lớp Nâng Cao (AP) năm 2024-25

Bảng này hiển thị phần trăm học sinh tham gia các khóa học AP tại trường này.

Tỷ lệ học sinh tham gia các khóa học AP	
---	--

Bảng này hiển thị số lượng khóa học AP được cung cấp tại trường này, nơi có ít nhất một học sinh đăng ký theo học.

Môn học	Số lượng khóa học AP được cung cấp
Khoa học máy tính	1
Tiếng Anh	7
Mỹ thuật và Nghệ thuật biểu diễn	2
Ngoại ngữ	6
Toán	8
Khoa Học	7
Khoa Học Xã Hội	12
Tổng số khóa học AP được cung cấp	43

Có ít nhất một học sinh đăng ký khóa học.

Phát Triển Chuyên Môn

Đối với năm học 2025-26, Đội Ngũ Phát Triển Chuyên Môn của Trường Trung Học Independence tiếp tục hợp, lên kế hoạch và cung cấp nhiều cơ hội hợp tác và học tập nhằm thúc đẩy hoạt động giảng dạy. Ủy ban này đã xây dựng nhiều chương trình học tập cho nhân viên để giải quyết các xu hướng hiện tại trong giáo dục. Các chương trình phát triển chuyên môn bổ sung được cung cấp thông qua học khu, và một số nhân viên đang tham dự nhiều hội nghị khác nhau liên quan đến các lĩnh vực môn học của họ, các thực hành đáp ứng văn hóa và truyền tải nội dung. Ủy ban này cũng đã phối hợp chặt chẽ với Đội Ngũ Hỗ Trợ Đa Tầng để điều chỉnh các phương pháp giảng dạy và giải quyết các nhu cầu của trường.

Phát Triển Chuyên Môn

Bảng này hiển thị số ngày học dành riêng cho phát triển nhân viên và cải tiến liên tục.

Môn học	2023-24	2024-25	2025-26
Số ngày học dành cho Phát Triển Nhân Viên và Cải Tiến Liên Tục	39	40	40